

Bản án số: **411/2024/DS-PT**

Ngày: 05-8-2024

*V/v “Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản, đòi lại tài  
sản và hợp đồng thế chấp  
tài sản”.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Tấn Lợi

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Ngọc Vượng

Ông Nguyễn Tấn Tạng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Thị Ngọc Quý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/5/2024, ngày 13/6/2024, ngày 11/7/2024, ngày 19/7/2024 và ngày 05/8/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024, về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, đòi lại tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản”.*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 207/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 322/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T4;

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trương Văn T, chức vụ: Giám đốc;

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Văn T:* Anh Huỳnh Hoàng N, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 08/4/2023).

**2. Bị đơn:** Lê Thị Phương T1, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Phương T1:* Anh Trần Đình H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số B, đường T, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/5/2024).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Phạm Trường G, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số A, Chùa B, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Trường G:* Anh Trần Đình H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số B, đường T, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/5/2024).

**4. Người kháng cáo:** Bà Lê Thị Phương T1 là bị đơn và anh Phạm Trường G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- **Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T4 do anh Huỳnh Hoàng N đại diện trình bày:** Bà Lê Thị Phương T1 là người bán cá tra nguyên liệu cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 (TNHH) Một thành viên (MTV) thủy sản Dương Thái A (còn viết tắt là Công ty T4 hay Công ty). Trong quá trình cung cấp cá tra nguyên liệu do Công ty C thanh toán tiền mua hàng cho bà T1, lý do là Công ty không thể xuất hàng được, hàng Công ty trong kho chờ xuất làm cho việc Công ty thanh toán tiền hàng cho bà T1 chậm. Ngày 19/01/2022, Công ty T4 và bà T1 đối chiếu công nợ thì Công ty nợ bà T1 số tiền 1.529.598.640 đồng. Trước đó, Công ty đã thanh toán cho bà T1 số tiền 200.000.000 đồng, nên Công ty còn nợ bà T1 số tiền 1.329.598.640 đồng. Số tiền trên Công ty T4 hứa với bà T1 đến ngày 28/02/2022 sẽ thanh toán đủ. Bà T1 chấp nhận nhưng buộc Công ty T4 phải thế chấp 02 cont hàng thành phẩm, Công ty T4 chờ để xuất khi cửa khẩu mở lại, cụ thể gồm: Cont hàng lot 329, gross 10kg, net 09k, tổng số lượng là  $23.400 \times 54.500 = 1.263.600.000$  đồng và cont hàng lot 991, gross 10kg, net 09k, tổng số lượng là  $23.400 \times 54.000 = 1.275.300.000$  đồng. Tổng giá trị 02 cont là 2.538.900.000 đồng. Bà T1 chịu trách nhiệm bảo quản hàng hóa không bị hư hỏng, mất mát số hàng nói trên. Đến ngày 19/02/2022, khách hàng của Công ty T4 yêu cầu xuất 02 cont hàng trên, phía Công ty L với bà T1 thì bà T1 trả lời là đã tự ý xử lý để thu hồi nợ trước thời hạn, Công ty T4 không được biết. Sau đó, Công ty T4 liên lạc với bà T1 nhưng bà T1 không bắt máy.

Nay Công ty TNHH MTV T4 yêu cầu bà Lê Thị Phương T1 trả cho Công ty số tiền hàng còn lại là 1.200.000.000 đồng. Đồng thời tại đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung Công ty T4 yêu cầu anh Phạm Trường G liên đới với bà T1 để trả số tiền trên.

**- Bị đơn bà Lê Thị Phương T1 trình bày:** Bà T1 thừa nhận bà T1 và Công ty T4 có thỏa thuận mua bán cá tra nguyên liệu theo Hợp đồng kinh tế số: 01/2022/DTA ngày 09/01/2022 như phía Công ty T4 trình bày, tổng số cá tra nguyên liệu bà T1 đã bán cho Công ty T4 là 62.428,3 kg, tương ứng số tiền là 1.529.598.640 đồng, khi giao cá xong thì phía Công ty T4 không trả tiền theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T4 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên hai bên thỏa thuận như sau: Công ty T4 đồng ý giao cá thành phẩm cho bà T1 đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty T4 theo các hợp đồng thế chấp ngày 12/01/2022 và ngày 13/01/2022, biên bản bàn giao ngày 13/01/2022. Đến ngày 19/01/2022, Công ty T4 và bà T1 có đối chiếu công nợ theo Bảng theo dõi công nợ ngày 19/01/2022, phía Công ty T4 còn nợ bà T1 số tiền là 1.529.598.640 đồng, phía Công ty T4 có giao tài sản thế chấp là cá tra thành phẩm cho bà T1, số lượng bao nhiêu bà T1 không nhớ, bà T1 thừa nhận bà T1 có ký tên vào Bảng theo dõi công nợ nguyên liệu ngày 19/01/2022 của Công ty T4. Đối với số tiền 200.000.000 đồng mà bà T1 nhận của Công ty T4 là tiền đặt cọc mua cá để bên bà T1 giao nguyên liệu cho Công ty T4, nhưng sau đó Công ty T4 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên bà T1 ngừng việc cung cấp cá tra nguyên liệu cho Công ty T4. Nên số tiền 200.000.000 đồng phía bà T1 không đồng ý trả lại cho nguyên đơn do nguyên đơn đã vi phạm hợp đồng nên bị mất cọc. Theo Bảng theo dõi công nợ nguyên liệu ngày 19/01/2022 thì Công ty T4 có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho bà T1 là 1.529.598.640 đồng, chứ không thỏa thuận thời hạn trả nợ của Công ty T4 trước ngày 28/02/2022.

Bà T1 đồng ý cho Công ty T4 thế chấp 02 cont hàng cá tra thành phẩm của Công ty T4 theo hợp đồng thế chấp ngày 12/01/2022 và ngày 13/01/2022 mà anh Phạm Trường G là người ký đại diện bên phía bà T1. Bên bà T1 đã nhận tài sản thế chấp của Công ty T4 là 2.600 thùng cá thành phẩm, nhận ở tại Công ty T4, khi nhận không có làm thủ tục giấy tờ gì. Ngoài ra còn nhận ở Công ty Cổ phần T5 vào ngày 12/01/2022 từ ông Phạm Quốc T2 (M) là 2.600 thùng cá thành phẩm. Khoảng thời gian từ ngày 22/01/2022 đến ngày 28/01/2022 thì phía bà T1 có xuống trực tiếp tại Công ty Cổ phần T6 là chỗ Công ty T4 thuê để sản xuất thủy sản, nhưng Công ty T4 đã không hoạt động, hàng hóa trong kho đã thanh lý hết, bên bà T1 nhiều lần liên lạc điện thoại và nhắn tin với anh T, nhưng phía anh T không trả lời, nên bên bà T1 phải có phương án xử lý tài sản thế chấp. Khoảng ngày 27/02/2022 đến ngày 05/3/2022 thì bà T1 giao lại cho ông Phạm Quốc T2 hết tài sản thế chấp trên và thu hồi lại số tiền đã bán cá nguyên liệu cho Công ty T4. Lý do bên bà T1 giao tài sản thế chấp cho ông T2 mà không giao cho Công ty vì ông T2 thanh toán khoản nợ nguyên liệu cho Công ty Dương Thái A và lấy lại hàng hóa thế chấp (Việc bà T1 giao tài sản thế chấp cho ông T2 còn ông T2 giao cho ai thì bà T1 không biết). Bên bà T1 chỉ thu về 1.400.000.000 đồng sau

khi đã bán tài sản thế chấp cho anh T2. Phía bà T1 không cung cấp được thông tin nơi ở của ông Phạm Quốc T2, đề nghị phía nguyên đơn cung cấp.

Bà Lê Thị Phương T1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Công ty T4 yêu cầu bà T1 trả 1.200.000.000 đồng. Đề nghị Công ty T4 chứng minh tài sản thế chấp có giá trị 2.538.900.000 đồng và chứng minh bà T1 vi phạm nghĩa vụ xử lý tài sản thế chấp. Yêu cầu Công ty T4 cung cấp hồ sơ chứng cứ có giá trị theo đúng trình tự pháp luật. Bà T1 thống nhất Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết sơ thẩm vụ kiện này.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Trường G trình bày:** Anh G thừa nhận thời gian có làm ăn chung nên ký tên thay bà T1 vào hợp đồng thế chấp tài sản và các biên bản giao nhận với Công ty T4 nhưng anh G không có trực tiếp nhận hàng từ Công ty T4. Anh G không đồng ý yêu cầu của Công ty T4 là buộc anh G liên đới với bà T1 để trả 1.200.000.000 đồng cho Công ty T4, anh G cho rằng mình không liên quan gì đến các giao dịch của bà T1 và Công ty T4.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 207/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T4 đối với bà Lê Thị Phương T1 và anh Phạm Trường G.

Buộc bà Lê Thị Phương T1 và anh Phạm Trường G phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T4 số tiền 1.200.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Phương T1 và anh Phạm Trường G phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 48.000.000 đồng.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T4 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T4 số tiền 24.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014608, ngày 09/11/2022 và biên lai thu số 0004356, ngày 25/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Trường G và ngày 06/10/2023 bị đơn bà Lê Thị Phương T1 đã kháng cáo bản án sơ thẩm. Bà Lê Thị Phương T1 yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Anh Phạm Trường G yêu cầu giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV T4.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Anh Trần Đình H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị Phương T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Trường G trình bày: Căn cứ tài liệu, chứng cứ theo hồ sơ vụ án và tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp bổ sung tại Tòa án phúc thẩm, cho thấy Bảng theo dõi công nợ nguyên liệu ngày 19/01/2022 không phải là hợp đồng được ký kết giữa các bên, nên không thể căn cứ vào để giải quyết, mà căn cứ vào Hợp đồng thế chấp ngày 12/01/2022 và ngày 13/01/2022 thì đủ điều kiện để bà T1 bán tài sản thế chấp là 02 cont hàng cá tra thành phẩm, thể hiện bởi căn cứ như sau:

+ Khi bà T1 ký vào Bảng theo dõi công nợ nguyên liệu ngày 19/01/2022 mục đích để xác nhận việc Công ty T4 còn nợ bà T1 số tiền 1.529.598.640 đồng. Bà T1 không thể thỏa thuận việc để cho Công ty T4 trả nợ từ ngày 19/01/2022 đến ngày 28/02/2022 được vì thời hạn này quá dài 39 ngày sẽ gây thiệt hại rất lớn cho bà T1;

+ Giá trị tài sản thế chấp (2.538.900.000 đồng) chỉ là giá tạm tính, được thể hiện theo thỏa thuận các bên trong các Hợp đồng thế chấp;

+ Ngày 27/01/2022 bên Công ty T4 đã trì hoãn không trả nợ, mặc dù bên bà T1 đã cố gắng liên hệ điện thoại, nhắn tin vào số điện thoại của ông T, phía ông T biết nhưng không phản hồi;

Đồng thời trên cơ sở Đơn xin cứu xét ngày 31/7/2024 mà anh H đã gửi cho Tòa án phúc thẩm, anh H yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Phương T1 và anh Phạm Trường G.

- Bị đơn bà Lê Thị Phương T1 trình bày bổ sung: Thời hạn trước ngày 28/02/2022 thể hiện theo Bảng theo dõi công nợ nguyên liệu ngày 19/01/2022 là thời gian được thể hiện theo Hợp đồng thế chấp ngày 12/01/2022 và ngày 13/01/2022, theo đó Công ty T4 có nghĩa vụ trả cho bà T1 số tiền 1.529.598.640 đồng trong thời gian thế chấp (05 ngày từ ngày 13/01/2022 đến ngày 18/01/2022), các bên thỏa thuận tài sản thế chấp thuộc sở hữu bên bà T1, nên không còn của Công ty T4, vì vậy khi hết thời gian thế chấp thì bà T1 được quyền bán tài sản thế chấp vào ngày 27/01/2022 và ngày 24/02/2022 để thu hồi nợ.

- Nguyên đơn Công ty TNHH MTV T4 ủy quyền cho anh Huỳnh Hoàng N đại diện trình bày: Không thống nhất theo kháng cáo của của bà Lê Thị Phương T1 và anh Phạm Trường G, bởi các lẽ sau:

+ Anh Trương Văn T là người đại diện theo pháp luật của Công ty T4 không có ủy quyền cho ông Phạm Quốc T2 để mua lại tài sản thế chấp như trình bày của anh H đại diện cho bà T1 và anh G;

+ Theo Hợp đồng thỏa thuận ngày 27/01/2022 do bà Thủy cung c cho Tòa án phúc thẩm ghi tên ông Phan Quốc T3 là không đúng mà họ tên của ông T3 (M) phải là Phạm Quốc T2, nên văn bản này không có căn cứ để xem xét là chứng cứ;

+ Bảng theo dõi công nợ nguyên liệu ngày 19/01/2022 là để đối chiếu, xác định lại trách nhiệm và quyền lợi giữa các bên đã được đại diện hợp pháp của các bên xem xét thống nhất ký kết xác nhận.

+ Bà T1 và anh G đã tự ý bán tài sản thế chấp là 02 cont cá thành phẩm vào ngày 27/01/2022 và ngày 24/02/2022, trước thời hạn thỏa thuận ngày 28/02/2022 mà không được sự đồng ý của Công ty T4 đã gây thiệt hại cho Công ty T4 phải bồi thường thiệt hại cho phía đối tác;

+ Bà T1 và anh G không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã điện thoại, nhắn tin cho anh T và cũng như được anh T đồng ý cho bán tài sản thế chấp trước ngày 28/02/2022;

+ Đơn xin cứu xét ngày 31/7/2024 mà anh H đã gửi cho Tòa án phúc thẩm là không có căn cứ, vì theo Hợp đồng thế chấp ngày 12/01/2022 và ngày 13/01/2022 thì bên bà T1 chỉ được quyền tham gia vào việc bán tài sản thế chấp, chứ không phải tự quyết định bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Từ căn cứ trên, việc bà T1 và anh G tự ý bán tài sản thế chấp đã làm mất đi tài sản thế chấp, nên phải có nghĩa vụ bồi thường. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm Công ty T4 chỉ yêu cầu bà T1 và anh G bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng, thống nhất giảm 200.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Phương T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Trường G thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Phương T1 và anh Phạm Trường G; tuyên xử sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 207/2023/DS-

ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo sự tự nguyện của Công ty T4 chỉ yêu cầu bà T1 và anh G bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng, thống nhất giảm 200.000.000 đồng (Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 319/PB-VKS-DS ngày 05/8/2024).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, đòi lại tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Việc anh Phạm Trường G nộp đơn kháng cáo vào ngày 03/10/2023 và bà Lê Thị Phương T1 nộp đơn kháng cáo vào ngày 06/10/2023 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Công ty TNHH MTV T4 ký kết Hợp đồng kinh tế số: 01/2022/DTA ngày 09/01/2022 để mua cá tra nguyên liệu của bà Lê Thị Phương T1, tổng số cá tra nguyên liệu mà Bên bán là bà T1 đã bán cho Bên mua là Công ty T4 là 62.428,3 kg, tương ứng số tiền là 1.529.598.640 đồng. Trong quá trình thực hiện giao dịch giữa các bên, ngày 19/01/2022 giữa Công ty T4 và bà T1 (viết tắt là các bên hoặc hai bên) đối chiếu công nợ thì Công ty T4 còn nợ bà T1 số tiền 1.529.598.640 đồng. Do Công ty T4 đã thanh toán trước cho bà T1 số tiền 200.000.000 đồng, nên Công ty T4 còn nợ bà T1 số tiền 1.329.598.640 đồng, thỏa thuận sẽ thanh toán đủ cho bà T1 trước ngày 28/02/2022. Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho bà T1 thì Công ty T4 đã thế chấp và giao cho bà T1 02 cont hàng lot 329 và lot 991, tổng cộng 520 thùng cá với giá trị theo các Hợp đồng thế chấp ngày 12/01/2022 và ngày 13/01/2022 là 2.550.300.000 đồng (viết tắt là tài sản thế chấp). Bà T1, anh G đã tiếp nhận tài sản thế chấp và chịu trách nhiệm bảo quản hàng hóa không bị hư hỏng, mất mát. Khi Công ty T4 liên hệ nhận lại tài sản thế chấp thì không còn nữa vì bà T1 và anh G đã bán 02 cont hàng đã thế chấp vào các ngày 27/01/2022 và ngày 24/02/2022 để thu hồi nợ (trước thời hạn theo thỏa thuận là ngày 28/02/2022) mà chưa được sự đồng ý của phía Công ty T4. Nguyên đơn Công ty T4 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Phương T1 và anh Phạm Trường G phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty T4 số tiền 1.200.000.000 đồng. Bị đơn bà T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh G cho rằng sau khi nhận tài sản thế chấp thì liên hệ với Công ty T4 không được, nên đã bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ và giá bán là hơn 1.400.000.000 đồng sau khi trừ chi phí thì đủ thanh toán cho số nợ của Công ty T4, nên không đồng ý

theo yêu cầu của nguyên đơn. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T4, buộc bị đơn bà Lê Thị Phương T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Trường G phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty T4 số tiền 1.200.000.000 đồng là có cơ sở. Bởi các lẽ như sau:

- Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của Công ty T4 và đại diện của bà T1 đều thừa nhận các bên có ký kết Hợp đồng kinh tế ngày 09/01/2022, Hợp đồng thế chấp ngày 12/01/2022 và ngày 13/01/2022 (mặc dù do người đại diện Công ty T4 là ông Lâm Võ Thoại G1, bà Trần Thị Y và đại diện cho bà T1 là anh Phạm Trường G ký thay). Đến ngày 19/01/2022 thì các bên thống nhất thỏa thuận ký lại Bảng theo dõi công nợ nguyên liệu để xác định số tiền Công ty T4 nợ tiền cá nhân nguyên liệu của bà T1 là 1.529.598.640 đồng, giá trị tài sản thế chấp bà T1 nhận là 2.538.900.000 đồng và xác định trách nhiệm và quyền lợi của hai bên. Đây là văn bản thỏa thuận sau cùng được ký kết giữa các bên, nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo văn bản này, kể cả trong trường hợp văn bản được ký kết trước không phù hợp hay có mâu thuẫn. Nên việc bà T1 và anh H đại diện theo ủy quyền của bà T1, anh G cho rằng bà T1 và anh G bán tài sản thế chấp vào ngày 27/01/2022 và ngày 24/02/2022 (trước ngày 28/02/2022) và giá trị tài sản thế chấp 2.538.900.000 đồng chỉ là tạm tính phù hợp thỏa thuận các bên theo Hợp đồng thế chấp ngày 12/01/2022 và ngày 13/01/2022, xét là không có cơ sở do không phù hợp với Bảng theo dõi công nợ nguyên liệu ngày 19/01/2022 được ký kết tự nguyện giữa các bên.

- Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán cho bà T1 số tiền mua cá tra nguyên liệu còn nợ là 1.529.598.640 đồng trước ngày 28/02/2022 theo Bảng theo dõi công nợ nguyên liệu ngày 19/01/2022 thì Công ty T4 đã thế chấp và bàn giao tài sản thế chấp cho bà T1, anh G có nghĩa vụ quản lý, việc này đã được anh G và bà T1 thừa nhận. Sau đó bà T1 và anh G đã bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ vào ngày 27/01/2022 và ngày 24/02/2022. Việc bà T1 và anh G cho rằng có liên hệ với ông Trương Văn T là Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty T4 qua tin nhắn Zalo và điện thoại nhiều lần và việc bà T1, anh G cho rằng ông T có chỉ đạo cho ông Phạm Quốc T2 (M) đến mua 02 cont cá thế chấp vào tối ngày 27/01/2022 là không có cơ sở, vì bà T1, anh G không cung cấp được giấy ủy quyền của ông T cho ông T2, đồng thời cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông T đã đồng ý cho bà T1 và anh G bán tài sản thế chấp để thu hồi số tiền nợ 1.529.598.640 đồng trước ngày 28/02/2022. Mặt khác, theo các Giấy báo có chuyển tiền cho anh Phạm Trường G ngày 27/01/2022 thể hiện nội dung “*Giao dat coc mua ca thanh pham...*” với số tiền 100.000.000 đồng, ngày 28/01/2022 thể hiện nội dung “*Giao tra tien ca thanh pham...*” với số tiền



800.000.000 đồng (02 lần mỗi lần 400.000.000 đồng) và theo Giấy báo có chuyển tiền cho anh Phạm Trường G ngày 24/02/2022 thể hiện nội dung “*Em gửi tiền cá filet 1.200 ctn...*” đều không thể hiện nội dung bán cá filet (cá thành phẩm) cho ông T hay ông T2.

- Tại Tòa án sơ thẩm bà T1 và anh G cho rằng có bán tài sản thế chấp cho ông Phạm Quốc T2 (Mười Hò). Tòa án sơ thẩm đã tạm ngừng phiên tòa và ban hành Thông báo số: 80/TB-TA ngày 25/4/2023 về việc yêu cầu bà Thủy cung c tài liệu, chứng cứ liên quan đến họ tên, địa chỉ của ông T2 (Bà T1 đã nhận được Thông báo vào ngày 25/4/2023, Bút lục số 85), nhưng bà T1 không cung cấp được, nên việc Tòa án sơ thẩm tiếp tục xét xử mà không đưa ông T2 tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp, không xem là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng để hủy án sơ thẩm. Việc Tòa án sơ thẩm không xem xét việc buộc Công ty T4 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà T1 chi phí lưu kho, vận chuyển, bốc xếp tài sản thế chấp là có cơ sở, do bà T1 không có yêu cầu phản tố trong vụ án này, đây là quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự. Tại Tòa án phúc thẩm thì Tòa án đã triệu tập ông T2 tham dự phiên tòa nhưng ông T2 vắng mặt không tham dự, theo xác nhận của Công an xã M ngày 30/7/2024 thể hiện “*Đương sự Phạm Quốc T2, sinh năm: 01/01/1969, có HKTT tại Tổ B, Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nhưng không thường xuyên sinh sống tại địa phương, hiện tại đi đâu, làm gì không rõ*” nên Tòa án không thể lấy lời khai được ông T2. Vì vậy, trong trường hợp bà T1 và anh G bị thiệt hại do lỗi từ ông T2 hoặc các quyền lợi khác của mình chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Việc bà T1 và đại diện của bà T1 cho rằng số tiền 200.000.000 đồng Công ty T4 chuyển khoản cho bà T1 theo Giấy báo có (phiếu chuyển tiền) ngày 14/01/2022 là tiền đặt cọc mua cá nguyên liệu nhưng bà T1 không cung cấp được văn bản hay tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh số tiền này là tiền Công ty T4 đặt cọc để mua cá nguyên liệu, mà có cơ sở chứng minh đây là số tiền mà Công ty T4 đưa trước cho bà T1 để mua cá nguyên liệu, điều này phù hợp với nội dung Giấy báo có ngày 14/01/2022 (do bà Thủy cung c cho Tòa án) thể hiện: “*A Thai gửi tiền cá nl CKN 438876*”, mặc khác việc này cũng không được Công ty T4 thừa nhận, đồng thời tại Biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh ngày 19/8/2022 anh G là người đại diện theo ủy quyền của bà T1 đã thừa nhận số tiền 200.000.000 đồng là số tiền mà Công ty T4 đặt trước để mua cá nguyên liệu của bà T1. Từ đó có cơ sở xác định số tiền 200.000.000 đồng mà bà T1 đưa cho Công ty T4 là số tiền trả trước cho bà T1 để mua cá nguyên liệu.

Vì vậy, việc bà T1, anh G đang giữ tài sản thế chấp của Công ty T4 và xử lý bán tài sản thế chấp trước thời hạn mà Công ty T4 có nghĩa vụ thanh toán (trước

ngày 28/02/2022) và không được sự đồng ý của Công ty T4 đã gây thiệt hại cho Công ty T4 số tiền là 2.550.300.000 đồng, vì giá trị tài sản thế chấp 02 cont được các bên thừa nhận là 2.550.300.000 đồng theo Bảng theo dõi công nợ nguyên liệu ngày 19/01/2022.

[4] Tại phiên tòa anh Trần Đình H đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Phương T1 và anh Phạm Trường G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà T1 và anh G yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét, làm rõ nội dung vụ án, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T4, trường hợp cần thiết thì hủy bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của anh H là không có đủ căn cứ, đồng thời bà T1 và anh G cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, do tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty T4 thống nhất chỉ yêu cầu bà T1 và anh G bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng, thống nhất giảm 200.000.000 đồng, xét thấy là có lợi cho bà T1 và anh G nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của bà T1 và anh G sửa bản án sơ thẩm theo hướng nguyên đơn đồng ý giảm số tiền bồi thường từ 1.200.000.000 đồng xuống 1.000.000.000 đồng, đồng thời sửa án phí sơ thẩm mà đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Đối với bà T1 do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí (Đơn nộp tại Tòa án phúc thẩm), nên được xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Phương T1 và anh Phạm Trường G, sửa một phần bản án sơ thẩm theo sự tự nguyện của nguyên đơn Công ty T4 và phần án phí sơ thẩm mà các đương sự phải chịu.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của bà Lê Thị Phương T1 và anh Phạm Trường G được chấp nhận một phần và bản án sơ thẩm bị sửa một phần, nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Phương T1;

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Trường G;

3. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 207/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh do nguyên đơn đồng ý giảm số tiền bồi thường từ 1.200.000.000 đồng xuống 1.000.000.000 đồng và xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92, Điều 147; Điều 148, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 166, Điều 170, Điều 288, Điều 317, Điều 318, Điều 322, Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T4 đối với bà Lê Thị Phương T1 và anh Phạm Trường G.

Buộc bà Lê Thị Phương T1 và anh Phạm Trường G phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T4 số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Phương T1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm;

- Anh Phạm Trường G phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.000.000 đồng.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T4 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T4 số tiền 24.300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014608, ngày 09/11/2022 và biên lai thu số 0004356, ngày 25/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Lê Thị Phương T1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

- Anh Phạm Trường G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004431, ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Ngô Tấn Lợi**